TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61/2021/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 21 tháng 12 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị M, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1981
Địa chỉ: TDP1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị M và anh Nguyễn Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị M và anh Nguyễn Văn V xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hai đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Cát Mỹ A, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Trịnh Bình A, sinh ngày 08/12/2020 và thỏa thuận. Chị Trịnh Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi

dưỡng hai cháu Trịnh Cát Mỹ A và Nguyễn Trịnh Bình A cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn V có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Trịnh Cát Mỹ A và cháu Nguyễn Trịnh Bình A mỗi cháu mỗi tháng là 750.000đ/tháng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Tổng hai cháu là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*)/tháng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Thuận tình ly hôn là **150.000** đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Chị M thoả thuận chịu 150.000 đồng *một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp là **300.000** đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0001602 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Chị Trịnh Thị M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là **150.000** đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*). Anh Nguyễn Văn V phải chịu **150.000** đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Trọng Hàn